

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 17-6-2024  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Còn.
- Bà Dương Thị Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Phúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Đỗ Q, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Số B, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Vũ Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số F, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024, Bản tự khai đề ngày 10/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Đỗ Q trình bày: Bà và ông Phan Vũ Đ quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã T), huyện T, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm việc tại Bình Dương, chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng

ngày càng lạnh nhạt. Hiện tại, bà và ông Đ đã không còn chung sống. Vì nhận thấy vợ chồng đã thật sự không còn tình cảm với nhau, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Vũ Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Phan Vũ Thiên L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020; con đã sống với bà và do trực tiếp chăm sóc từ khi sinh ra cho đến nay. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Vũ Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến trình bày hoặc ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt đề ngày 10/5/2024; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Đỗ Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Vũ Đ và có tranh chấp về quyền trực tiếp nuôi con, bị đơn ông Phan Vũ Đ hiện đang cư trú tại Số F, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Kết quả xác minh ngày 12/4/2024 của Công an xã T, huyện T, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về giao nộp và đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Đỗ Q và ông Phan Vũ Đ, thấy rằng: Bà Q và ông Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2020 đăng ký ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã T), huyện T, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Q trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hiện tại vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản đối với lời trình bày của bà Q về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông Đ có thực tế xảy ra như lời trình bày của bà Q. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Hiện tại bà Q và ông Đ đã không còn chung sống với nhau thì quan hệ hôn nhân không thể đạt được mục đích của hôn nhân như quy định trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phan Thị Đỗ Q đối với ông Phan Vũ Đ.

[5] Về con chung: Bà Q và ông Đ có 01 con chung tên Phan Vũ Thiên L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020. Xét thấy, cháu L từ khi sinh ra vẫn do bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng; hiện tại con chung vẫn đang phát triển bình thường, khỏe mạnh. Mặt khác, cháu L vẫn chưa tròn 04 tuổi và là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho sự phát triển bình thường của con chung. Đồng thời, ông Đ vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Đỗ Q giao con chung tên Phan Vũ Thiên L sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con

chung mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Đỗ Q yêu cầu ông Phan Vũ Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì ông Đ là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mức cấp dưỡng căn cứ vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà Q là 2.000.000 đồng/tháng, thấy rằng mức cấp dưỡng này chỉ đáp ứng được chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con chung và cũng không vượt quá mức thu nhập trung bình tại địa phương. Đồng thời, ông Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, đã biết về mức cấp dưỡng mà bà Q yêu cầu nhưng ông Đ cũng không có ý kiến phản đối. Như vậy, có cơ sở chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phan Vũ Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Vũ Thiên L mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2024 đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con hoặc cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Ông Đ không có ý kiến phản đối với lời trình bày này của bà L1 và cũng không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[8.1] Buộc bà Phan Thị Đỗ Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009451 ngày 19/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; bà Q đã nộp xong án phí sơ thẩm.

[8.2] Buộc ông Phan Vũ Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào ngân sách nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Đỗ Q về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” đối với ông Phan Vũ Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Đỗ Q được ly hôn với ông Phan Vũ Đ.

Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Đỗ Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Vũ Thiên L, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2020. Ông Phan Vũ Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2024 đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## 2. Về án phí:

Buộc bà Phan Thị Đỗ Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009451 ngày 19/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; bà Phan Thị Đỗ Q đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Buộc ông Phan Vũ Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Tân Bình, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (Đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Huỳnh Thị Hoàng Dung**